

SUY NGHĨ VỀ NỘI HÀM CÁC KHÁI NIỆM TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO

Tóm tắt: Tác giả cho rằng tôn giáo và tín ngưỡng là hai khái niệm khác nhau. Nội hàm của chúng mang những đặc trưng khác nhau. Bài viết cố gắng nêu ra những đặc trưng của tín ngưỡng đối lập với những đặc trưng của tôn giáo. Tuy cùng là hoạt động của con người dựa trên niềm tin vào sức mạnh phi nhiên, nhưng tín ngưỡng hướng đến nhu cầu của đời sống (SINH) của CỘNG ĐỒNG, còn tôn giáo đáp ứng khát vọng vượt khỏi giới hạn của cái chết (TỬ) của CÁ NHÂN. Nếu tín ngưỡng xét đến cùng mang ý nghĩa VỤ LỢI, người ta thực hành nó nhằm cầu xin tránh khỏi dịch bệnh, sinh con đẻ cái, mùa màng tốt tươi, mưa thuận gió hòa... thì tôn giáo được đặc trưng bởi tính LÝ TƯỞNG, nó cấp Ý NGHĨA cho cuộc đời CÁ NHÂN vốn hữu hạn, hứa hẹn cuộc sống vĩnh cửu tốt đẹp “mai sau” cho những ai tu hành và thực hiện lối sống theo những chuẩn mực của nó.

Từ khóa: Khái niệm, nội hàm, tín ngưỡng, tôn giáo.

Tín ngưỡng và tôn giáo là những khái niệm mà việc định nghĩa còn nhiều tranh luận. Chúng tôi cho rằng, việc cố gắng làm rõ nội hàm của hai khái niệm này, sự khác biệt căn bản giữa chúng nếu có, là những bước đi cần thiết tiến tới một định nghĩa có thể chấp nhận được. Cả hai đối tượng này (tạm gọi thế vì có quan điểm coi chúng là một) cùng thuộc một lĩnh vực hoạt động của con người, lĩnh vực tâm linh - lĩnh vực con người quan hệ với thế giới phi nhiên. Theo chúng tôi, cần xem xét hoạt động này từ hai góc độ. Thứ nhất, coi đối tượng đang nghiên cứu là một khách thể xã hội - một lĩnh vực tồn tại khách quan

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội, Việt Nam.

Ngày nhận bài: 10/01/2018; Ngày biên tập: 20/01/2018; Ngày duyệt đăng: 21/3/2018.

trong xã hội, và *thứ hai*, coi nó là hoạt động thực tiễn của con người, bởi con người là chủ thể của hoạt động này. Trong bài viết này, chúng tôi đưa ra 5 lý do để phân biệt tín ngưỡng và tôn giáo.

1. Từ góc độ coi tôn giáo và tín ngưỡng là khách thể xã hội, dưới nhãn quan của nhà nghiên cứu, đây là lĩnh vực cùng hàng với các lĩnh vực khác, như chính trị, kinh tế, nghệ thuật,...

Điểm khác biệt của lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo so với các lĩnh vực khác là nó dựa trên niềm tin vào lực lượng phi nhiên mà con người không thể dùng năm giác quan để cảm nhận. Người ta chỉ có thể có lòng tin vào sự tồn tại của sức mạnh phi nhiên, hay nói cách khác, sức mạnh ấy tồn tại dựa trên niềm tin. Đó là một lực lượng không thể và không bao giờ có thể, không cần và không bao giờ cần chứng minh sự tồn tại của nó bằng năm giác quan, mặc dù đôi khi, ở chỗ này chỗ khác, có những nỗ lực muốn làm điều ấy. Những nỗ lực như vậy không làm thay đổi bản chất vấn đề: *các sức mạnh phi nhiên này tồn tại dựa trên niềm tin*. Chúng ta hay gọi niềm tin khác thường ấy là tín ngưỡng.

Trên thực tế ở Việt Nam hiện nay, người ta nói đến tín ngưỡng thì không chỉ nói đến niềm tin, mà còn nói cả đến sự thể hiện bằng hành động của niềm tin ấy, bởi niềm tin chỉ nằm thuần túy trong đầu ai đó thì không có giá trị xã hội để xem xét. Do đó, lâu nay chúng ta nói tín ngưỡng thì không chỉ nói niềm tin, mà là nói đến cả sinh hoạt dựa trên niềm tin đó, hay sự thực hành niềm tin ấy, tức sự thờ cúng.

Lĩnh vực mà chúng tôi đang đề cập - lĩnh vực hoạt động của con người dựa trên niềm tin vào sức mạnh phi nhiên, bao gồm các hình thức tín ngưỡng cụ thể (hay gọi đúng hơn là các hình thức thờ cúng), và đương nhiên cả các tôn giáo, vì các tôn giáo cũng dựa trên niềm tin vào sức mạnh phi nhiên. Từ niềm tin vào sức mạnh phi nhiên, người ta có hành động thể hiện niềm tin ấy, vì người ta tin rằng giữa lực lượng phi nhiên và thế giới thực tại có quan hệ qua lại, có thể tác động lẫn nhau.

Như vậy, niềm tin vào sức mạnh phi nhiên là cơ sở cho sự tồn tại của loại hoạt động trong lĩnh vực tôn giáo hay tín ngưỡng. Một số người dùng khái niệm sức mạnh siêu nhiên, hay cái thiêng để nói về

loại sức mạnh này. Tôi không thích từ siêu nhiên, vì siêu nhiên vẫn có thể là tự nhiên (một cá nhân có năng lực đặc biệt, như làm phép khai căn nhanh như máy chẳng hạn). Phi nhiên là khái niệm rộng lớn, bao gồm đầy đủ hơn mọi sức mạnh không thuộc tự nhiên.

Lĩnh vực hoạt động của con người dựa trên niềm tin vào sức mạnh phi nhiên này được nhiều người gọi theo những cách khác nhau, như “lĩnh vực tín ngưỡng”, “lĩnh vực tôn giáo”, “lĩnh vực tín ngưỡng và tôn giáo”, “lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo”, hay “lĩnh vực tâm linh”... nhưng cá nhân tôi thích cách gọi là “lĩnh vực tín ngưỡng” hay “lĩnh vực tâm linh” hơn. Chẳng hạn, khi Toan Ánh đặt tên cho cuốn sách của ông là “Tín ngưỡng Việt Nam”, thì khái niệm “tín ngưỡng” ở đây chỉ “lĩnh vực tâm linh” như trên đã nói, bao gồm cả các hình thức tín ngưỡng (các hình thức thờ cúng) cùng các tôn giáo. Tuy vậy, tạm thời quên cách định danh nó đi, để thấy nó là lĩnh vực rộng lớn bao hàm TẤT CẢ các hình thức sinh hoạt tôn giáo và tín ngưỡng hiện nay, từ các tôn giáo lớn đến các loại thực hành tín ngưỡng dân gian muôn vẻ trong xã hội.

2. Từ góc độ nhìn các hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo hay gọi chung là các hoạt động tâm linh... là hoạt động thực tiễn của con người, con người chúng ta là chủ thể của hoạt động đó, chúng ta phải đặt câu hỏi: *Động lực nào khiến con người hoạt động tâm linh?*

Như đã biết, mọi hành động của con người xét đến cùng là bị thúc đẩy từ sự sinh tồn của cá nhân họ, tức là từ sự thôi thúc của quá trình SINH - TỬ của mỗi con người.

Hoạt động tín ngưỡng và hoạt động tôn giáo cũng vậy. Đi sâu vào tìm hiểu động lực hành động của mỗi cá nhân trong các hoạt động ấy, chính là tìm hiểu bản chất của các hoạt động ấy, tìm ra điểm đặc trưng nếu có, là thứ tạo ra sự khác biệt giữa chúng.

Để tìm hiểu bản chất của hoạt động tín ngưỡng và hoạt động tôn giáo của con người, chúng tôi sử dụng phương pháp quy nạp, phương pháp vốn của toán học.

Hãy bắt đầu từ việc phân tích một số hình thức tín ngưỡng và tôn giáo cụ thể, tìm ra cái thuộc tính mà ta thấy có thể là nét đặc trưng, là

thuộc tính chung cho nhóm những hình thức cùng loại, làm cho chúng khác biệt với nhóm các hình thức khác, rồi quay trở lại kiểm định các nét đặc trưng, các thuộc tính ấy ở các hình thức tôn giáo và tín ngưỡng khác.

3. Chúng tôi bắt đầu từ một hình thức tôn giáo có mặt lâu đời và phổ biến nhất ở Việt Nam là Phật giáo. Phật giáo cho rằng “cuộc đời là khổ”, bởi người ta phải trải qua quá trình sinh - lão - bệnh - tử luân hồi không ngơi nghỉ. Mà sinh - lão - bệnh - tử thì cũng là SINH - TỬ. Nguồn gốc của cái khổ, theo Phật giáo, là do ái, dục, tham, si. Và Phật giáo chỉ ra con đường giải thoát cho mỗi con người khỏi nỗi khổ của cuộc đời là diệt ái, diệt dục, diệt tham, diệt si. Chẳng hạn, khi không còn cái dục bên trong thúc thúc thì người ta không còn bị khổ đau do theo đuổi những khát vọng về danh, lợi...

Cuộc đời là hữu hạn, chỉ là chớp bóng trong thời gian vô tận, sẽ thật vô nghĩa, khi người ta sinh ra, đấu tranh giành giật lẫn nhau, khổ đau vì dục - ái - tham - si, để rồi ai cũng chết, và chết là hết. TỬ hay CÁI CHẾT là giới hạn cuối cùng của đời người vô nghĩa hay sao? Con người không thể chấp nhận điều ấy.

Phật giáo ra đời là vì thế. Nó cấp ý nghĩa cho cuộc đời mỗi con người, vượt qua giới hạn của CÁI CHẾT, của TỬ. Theo đó, khổ đau của cuộc sống hôm nay là tạm, nhưng cố gắng tu sửa thân mình, thì cuộc đời “mai sau” sẽ hưởng hạnh phúc hơn, được lên Niết Bàn, được thoát khỏi vòng luân hồi, thoát khỏi giới hạn của CÁI CHẾT.

Như vậy, Phật giáo đưa ra cách giải thoát con người khỏi sự SINH - TỬ luân hồi, xét đến cùng là thoát khỏi sự TỬ.

Đạo giáo cũng muốn khắc phục CÁI CHẾT, bằng cách tìm phương được, luyện đan, tu tiên, để thành TIÊN, tức là NGƯỜI BẤT TỬ. Động cơ chống lại CÁI CHẾT, cái TỬ của Đạo giáo là rõ ràng.

Kitô giáo cho rằng CÁI CHẾT không phải là hết, sẽ đến ngày phán xử cuối cùng, Chúa trở lại và phán xét từng người về việc họ đã làm trong cuộc đời, sẽ cho một số người xứng đáng được lên Thiên đường, sống hạnh phúc bên Chúa mãi mãi và những kẻ không xứng đáng do những việc làm tội lỗi của họ khi còn sống sẽ bị đày xuống Địa ngục.

Thực ra không chỉ Kitô giáo, mà hầu hết mọi tôn giáo đều lấy THIÊN ĐƯỜNG và ĐỊA NGỤC như là những thế giới SAU CÁI CHẾT để khắc phục giới hạn của CÁI CHẾT. Các tôn giáo có thể khác nhau về tên gọi và hình ảnh của Thiên đường hay Địa ngục, về con đường đến với hai nơi này, nhưng *mọi tôn giáo đều giống nhau ở chỗ khắc phục CÁI CHẾT*.

Có thể kiểm định nhận xét ấy ở những tôn giáo khác, như Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo chẳng hạn. Đạo Cao Đài cho rằng mỗi cá nhân sau khi chết thì tùy theo công quả trong cuộc đời mình mà thác sinh vào một thế giới tốt đẹp hơn hay xấu hơn ở mỗi một trong 72 quả địa cầu, để rồi nếu thành tựu ở mức cao nhất sẽ được thác sinh vào Thiên Đường là Bạch Ngọc Kinh. Phật giáo Hòa Hảo dạy tín đồ sống và tu hành là một (tu tại gia), để sau khi chết khỏi rơi vào Địa ngục, chịu cực hình tra tấn, và bằng cách tu hành ngay trong cuộc sống hàng ngày, tấn tới dần dần, thì cũng thành chính quả, lên được Niết Bàn, thoát khỏi luân hồi.

4. Tuy cũng đối diện với vấn đề SINH - TỬ, nhưng nếu các tôn giáo lấy đặc trưng ở việc khắc phục TỬ/CÁI CHẾT thì những hình thức cho đến nay hay được gọi là tín ngưỡng/sự thờ cúng không giải quyết vấn đề ấy, mà phục vụ cho sự sinh tồn của con người, tức vấn đề SINH. Chúng tôi kiểm nghiệm chúng qua một số hình thức tín ngưỡng cụ thể.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên: Trong hình thức thờ cúng tổ tiên, người thân và con cháu người chết cùng gắn bó với nhau bởi mối liên hệ chung là người chết, là tổ tiên, và qua hình thức thờ cúng ấy, họ gắn bó với nhau trong cuộc sống hôm nay, trở thành một cộng đồng tương trợ và hợp tác với nhau. Bất kể những ý nghĩa cao đẹp của hình thức thờ cúng này như thế nào, như: giáo dục lòng biết ơn, giữ gìn truyền thống... thì xét đến cùng, hình thức tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên sinh ra là vì cuộc sống con người trong thực tại, nó góp phần vào quá trình sinh tồn của cộng đồng, nó vì SỰ SỐNG (tức SINH) của con người.

Tín ngưỡng thành hoàng làng: Tín ngưỡng thành hoàng làng là hình thức tín ngưỡng phổ biến ở Việt Nam, ra đời khoảng thế kỷ 15-16 và phát triển mạnh trong các thế kỷ 17-18. Khi nghiên cứu về văn

hóa Việt Nam, ai cũng biết *làng* là đơn vị cơ sở, là tế bào của văn hóa Việt. Tất nhiên, làng phải chứa đựng gen di truyền của văn hóa Việt. Làng nào ở Việt Nam cũng có đình làng cùng tín ngưỡng thành hoàng. Cho nên hẳn là ngôi đình và tín ngưỡng thành hoàng chứa đựng cái gen di truyền ấy. Đi tìm cái gen di truyền ấy, tôi cho rằng, sự ra đời của tín ngưỡng thành hoàng làng và ngôi đình là một cách giải quyết mâu thuẫn giữa nhà nước quân chủ theo Nho giáo tập quyền với làng về các mặt: quyền tự quản của làng, văn hóa dân gian ở làng, phong tục tập quán, tín ngưỡng ở làng. Mâu thuẫn giữa *Lệ làng* và *Phép nước*. Đây là mâu thuẫn cả về chính trị, văn hóa, kinh tế và tín ngưỡng. Ra đời nhằm giải quyết mâu thuẫn này, nên tín ngưỡng thành hoàng làng là tín ngưỡng duy nhất ở làng quê Việt Nam tích hợp trong nó cả các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa và tín ngưỡng. Theo Đình Gia Khánh, “tín ngưỡng thành hoàng là một thiết chế chính trị - tôn giáo quan trọng của làng quê Việt Nam”¹. Xử lý quan hệ LÀNG - NƯỚC hài hòa, sự nhượng bộ lẫn nhau, sự bao dung lẫn nhau giữa LÀNG và NƯỚC là lý do tồn tại của tín ngưỡng thành hoàng, và đây cũng là gen di truyền của văn hóa Việt². Như vậy, sự ra đời của tín ngưỡng thành hoàng là nhằm đáp ứng nhu cầu SINH TỒN của cộng đồng dân tộc Việt Nam khi ấy.

Tìm hiểu thêm về các hình thức tín ngưỡng (thờ cúng) khác, đều thấy chúng nhằm đáp ứng nhu cầu của cuộc sống hiện thực của con người: cầu mong mưa thuận gió hòa, cầu mong bội thu mùa màng, cầu mong chữa bệnh, sinh con, đẻ cái... tất cả đều là nhu cầu của sinh tồn của con người (SINH).

5. Như vậy, qua các hình thức của tín ngưỡng và tôn giáo mà chúng ta vừa khảo sát nói trên, chúng tôi thấy: Tôn giáo và sự thờ cúng (hay các hình thức tín ngưỡng) là vấn đề của con người, vấn đề của SINH - TỬ, trong đó, TÔN GIÁO giải quyết vấn đề CÁI CHẾT - cái TỬ, vấn đề của mỗi CÁ NHÂN, vấn đề Ý NGHĨA cuộc đời mỗi con người, còn tín ngưỡng giải quyết vấn đề SINH, trước hết là phục vụ lợi ích CỘNG ĐỒNG (từ nhỏ nhất là gia đình đến lớn nhất là quốc gia), là vấn đề LỢI ÍCH của đời sống hiện thực. Người ta thực hành tín ngưỡng để cầu xin mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, tránh khỏi

dịch bệnh, sinh con đẻ cái,... xét đến cùng thực hành sự thờ cúng là mang tính vụ lợi.

Dĩ nhiên, trên thực tế thì tôn giáo luôn có mặt tín ngưỡng của nó, và trong nhiều trường hợp, mặt tín ngưỡng ấy nổi lên, lấn át chính mặt căn bản, đặc trưng của tôn giáo. Ngược lại, các hình thức tín ngưỡng cũng có những giá trị nhân văn cao đẹp, cũng có những hình thức thực hiện cá nhân, cũng kế thừa nhiều yếu tố của tôn giáo. Tuy nhiên, nếu đặt tín ngưỡng (sự thờ cúng) và tôn giáo đối lập nhau, bỏ qua những điểm kế thừa, những điểm chung giữa chúng, chỉ xét những đặc trưng làm nên sự khác biệt căn bản giữa chúng, thì chúng tôi thấy có những cặp phạm trù đối lập: SINH - TỬ, VỤ LỢI - Ý NGHĨA, CỘNG ĐỒNG - CÁ NHÂN.

Kết luận

Hai, tín ngưỡng, như cách gọi hiện nay, nghĩa là bao gồm cả niềm tin lẫn sự thực hành niềm tin ấy, tức sự thờ cúng (có người sẽ gọi là “tôn giáo sơ khai”, “tôn giáo bình dân”, “tôn giáo dân gian” hay “sùng bái”...), sẽ bao gồm ba loại sau:

Một, dù là tôn giáo hay tín ngưỡng thì đều là hoạt động dựa trên quan hệ giữa con người với sức mạnh phi nhiên. Người ta có thể gọi lĩnh vực hoạt động này của con người là bằng những cái tên như “lĩnh vực tín ngưỡng”, “lĩnh vực tôn giáo”, “lĩnh vực tâm linh”, “lĩnh vực tôn giáo - tín ngưỡng”, v.v... Theo cách gọi nào thì cũng không quan trọng bằng việc làm rõ nội hàm các khái niệm tôn giáo và tín ngưỡng (thờ cúng), sự khác biệt cơ bản giữa chúng nếu có.

(1) Những hành vi tín ngưỡng cá nhân tản mạn, giản đơn, thô sơ (đôi khi được gọi là mê tín): xuất hành về hướng gì, giờ nào, mặc áo màu gì, mua xe chọn số biển xe, chim khách kê, chim lợn kê, ra ngõ gặp gái, bước chân trái hay phải ra khỏi cửa, một số ma, v.v... Có nhiều trường hợp được đúc kết thành tục ngữ như “của thiên trả địa”, “chim sa cá nhảy”, “ở hiền gặp lành”, “trời có mắt”, “đất có thổ công, sông có hà bá”,.... Có vô số niềm tin tản mạn như thế, *tất cả đều thừa nhận có một sức mạnh phi nhiên vô hình có thể tác động vào đời sống chúng ta*. Những hành vi này do vậy thuộc lĩnh vực tâm linh, có thể

xếp vào loại tín ngưỡng dân gian ngây thơ hay giản đơn, hay có thể gọi là tín ngưỡng cá nhân tản mạn.

(2) Các tín ngưỡng dân gian với những hoạt động cộng đồng, từ thờ sinh thực khí, phù thủy, đồng cốt, thờ thần, thờ nữ thần - thờ mẫu, thờ đất đá, sơn xuyên, sông ngòi, cây cỏ, con vật - vạn vật hữu linh... cho đến các loại phi mường, phi bản, các tín ngưỡng tứ phủ, tam phủ,... Tất tât các hình thức tín ngưỡng ấy có thể gọi là những tục thờ cúng dân gian hay những tín ngưỡng dân gian.

(3) Những hoạt động tín ngưỡng quan phương (của nhà nước, của chính quyền địa phương), như: tế Nam Giao, lễ Tịch điền, giỗ tổ Hùng Vương, Hội thê Đồng Cổ, tục thờ thành hoàng làng, lễ tế thành hoàng kinh đô, lễ tế hàng năm ở Văn Miếu quốc gia,... vốn là tín ngưỡng dân gian nhưng được đưa vào hệ thống nhà nước, được quan phương hóa, điển chế hóa, không nên gọi là tín ngưỡng dân gian nữa.

Ba, Tôn giáo như cách gọi hiện nay, chỉ là một trong những hình thức tồn tại của sinh hoạt trong lĩnh vực tâm linh, nó khác biệt rất căn bản với các hình thức tín ngưỡng (sự thờ cúng) ở trên. Tôn giáo và tín ngưỡng được đặc trưng bởi những điều khác biệt:

(1) Nếu tín ngưỡng hướng vào đời sống hiện thực, giải quyết vấn đề của đời sống hiện thực, đáp ứng nhu cầu của cá nhân và cộng đồng trong cuộc mưu sinh (SINH), thì tôn giáo mặc dù cũng có mặt tín ngưỡng của nó, vì thế K. Marx coi tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân, là trái tim của thế giới không có trái tim..., nhưng đặc trưng của tôn giáo là giải quyết CÁI CHẾT, khắc phục sự hữu hạn của cuộc đời, vượt qua cái TỬ, và do đó là vấn đề Ý NGHĨA cuộc sống.

(2) Nếu tín ngưỡng, xét đến cùng, mang tính vụ lợi, bất kể dưới hình thức nào, thì tôn giáo mặc dù cũng có mặt tín ngưỡng nên tuy cũng có tính vụ lợi, nhưng cái đặc trưng của nó, cái khiến nó trở thành tôn giáo là ở chỗ nó mang tính lý tưởng: nó cấp cho cá nhân con người Ý NGHĨA cuộc đời, cái đích phấn đấu tới, cái cuộc sống sau CÁI CHẾT. Nó giúp người ta không còn sợ chết nữa, người ta có thể thắng sự SINH - TỬ.

(3) Nếu tín ngưỡng là sự cầu xin, đòi hỏi, sai khiến lực lượng phi nhiên phục vụ cho lợi ích cá nhân và cộng đồng, *đặc biệt là CỘNG ĐỒNG*, thì tôn giáo mặc dù cũng có khía cạnh ấy, nhưng nó đặc trưng bởi sự giải thoát CÁ NHÂN khỏi sự hữu hạn của cuộc đời, khỏi CÁI CHẾT. Vì sự giải thoát CÁ NHÂN lại là vấn đề mang tính NHÂN LOẠI, nên tôn giáo có tính NHÂN LOẠI của nó, nhờ vậy, tính cộng đồng của nó rất lớn, nó có thể phát triển ra ngoài phạm vi một cộng đồng dân tộc, trở thành tôn giáo của thế giới, của nhiều dân tộc. Còn tín ngưỡng trong khi phục vụ lợi ích của đời sống hiện thực, của sinh tồn, của mưu sinh (SINH), tức là giải quyết những vấn đề có tính cụ thể, có tính thời điểm, tính địa phương, cho nên các hình thức tín ngưỡng cụ thể (sự thờ cúng) không giải quyết vấn đề mang tính nhân loại như tôn giáo, và do đó, không thể lan tỏa để trở thành những hình thức tín ngưỡng thế giới được (như các tôn giáo thế giới Phật giáo, Islam giáo, Kitô giáo...).

Bốn, nếu so sánh tôn giáo với các học thuyết và các tổ chức chính trị xã hội, càng thấy nổi rõ điều đặc trưng của tôn giáo: Tôn giáo giải thoát cho CÁ NHÂN khỏi sự sinh - tử, khắc phục sự hữu hạn của TỬ, thì các học thuyết và các tổ chức chính trị xã hội có tham vọng giải thoát cho NHÂN LOẠI, cho QUỐC GIA, cho CỘNG ĐỒNG khỏi khổ đau trần thế. Đối với các tổ chức chính trị xã hội, chỉ nhân loại, chỉ quốc gia, chỉ cộng đồng mới đáng kể, còn cá nhân không quan trọng. Trong các học thuyết xã hội - chính trị, cá nhân chết cho lý tưởng thì bản thân họ không được cái gì hết, chết là hết, chỉ đời sống nhân loại, quốc gia, cộng đồng mới có giá trị. Nhưng trong tôn giáo, cá nhân hi sinh vì tôn giáo thì bản thân họ được thoát khỏi cuộc sống tạm bợ hôm nay để đến với Thiên đường, với Niết Bàn, bắt đầu một cuộc sống mới tươi đẹp hơn.

Năm, đặc trưng của tôn giáo là khắc phục CÁI CHẾT, cấp Ý NGHĨA cho cuộc đời cá nhân, từ đó sẽ phái sinh ra những khác biệt nữa của nó, nếu so sánh với tín ngưỡng, hay ta gọi là những hệ quả:

Hệ quả thứ nhất, tôn giáo đưa ra vũ trụ luận và thế giới quan để giải thích cái thế giới hôm nay và khẳng định sự tồn tại của thế giới “mai sau”, đưa ra nhân sinh quan để người ta theo đó mà thực hành (tu hành), để đến được cuộc sống vĩnh cửu hạnh phúc.

Trong bản thân tôn giáo có các tín ngưỡng, do đó tôn giáo có mặt dân gian của nó, nhưng phần tri thức của nó nâng lên thành thần học, thành thể giới quan và vũ trụ luận, thành nhân sinh quan... tất nhiên phải được đầu tư trí tuệ nhiều thể hệ để phát triển.

Nếu tín ngưỡng có thể hình thành tự phát, thì tôn giáo phải có sự tự giác, sự tích lũy tri thức, sự tham gia của nhiều trí thức. Chúa Jesus rao giảng tình thương và lòng bác ái, nhưng phải có Thánh Paul giải thích và lập luận về các vấn đề đức tin, nguyên tội, sự cứu rỗi, Chúa Thánh Linh... cùng các thể hệ sau ông tiếp tục nghiên cứu phát triển thần học Kitô giáo thì mới biến nó thành một tôn giáo sâu sắc như ngày nay.

Đức Thích Ca chiêm nghiệm chứ không phải quần chúng tự nhiên nghĩ ra được Tứ diệu đế. Người dân thường nhìn thấy núi lở có thể nghĩ đến thần núi, sợ nước lụt có thể nghĩ đến thần sông, thần nước. Tín ngưỡng có thể tự phát, chứ tôn giáo phải có sự đầu tư trí tuệ, có dạy (giáo) mới biết được.

Nếu tín ngưỡng (sự thờ cúng) không có vũ trụ luận, ý thức hệ, nhận thức luận (những thứ này nó có thể tiếp thu từ tôn giáo hoặc không), nó vẫn là nó, là tín ngưỡng, thì tôn giáo nhất định phải giải quyết các vấn đề ấy, do đó, ý thức hệ, vũ trụ luận, nhân sinh quan cũng có thể coi là những đặc trưng của tôn giáo khiến nó khác biệt so với tín ngưỡng.

Hệ quả thứ hai, nếu *tôn giáo đòi hỏi phải tu hành*, để đi đến giải thoát cho cá nhân, khắc phục sự TỬ thì tín ngưỡng thì không đặt ra vấn đề tu hành, nó có thể có các hình thức luyện bùa, luyện ngải, luyện phép, luyện âm binh... để mong có phép lạ sử dụng cho cuộc sống hiện tại - sự SINH.

Hệ quả thứ ba: tính nhân loại của tôn giáo.

Vấn đề ý nghĩa cuộc đời, khắc phục sự hữu hạn của đời người, khắc phục cái chết là vấn đề của mỗi CÁ NHÂN, nhưng lại đồng thời là vấn đề có tính NHÂN LOẠI, vấn đề muôn thuở của CON NGƯỜI, không bị hạn chế bởi quốc gia, thời đại, thời điểm. Trong khi đó, những vấn đề của cuộc sống hiện thực, mưu sinh, dù là vấn đề của CỘNG ĐỒNG, nhưng chỉ mang tính chất cụ thể, tính địa phương, tính thời điểm... Mỗi

hình thức tín ngưỡng cụ thể (sự thờ cúng) vì thế chỉ có mặt ở từng cộng đồng, còn tôn giáo có khả năng phát triển ra thành tôn giáo của thế giới, của nhiều dân tộc - Phật giáo, Islam giáo, Kitô giáo là thế.

Tóm lại, TÍN NGƯỠNG (hay sự thờ cúng) và TÔN GIÁO dù định nghĩa thế nào, dù có quan hệ lẫn nhau, có nội dung giao thoa lẫn nhau, và đều thuộc cùng một lĩnh vực, lĩnh vực quan hệ giữa con người và thế giới phi nhiên, thì chúng vẫn có nội hàm với những đặc trưng khác nhau, nên không thể đánh đồng chúng làm một. Với việc nêu ra những đặc trưng ấy, chúng tôi hy vọng có thêm một bước trên con đường đi đến một định nghĩa về các khái niệm này. Kiểm nghiệm tính đúng - sai của chúng ở các hình thức tôn giáo và các hình thức thờ cúng (tín ngưỡng) khác là công việc tiếp sau bài báo này và là công việc lâu dài./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Đinh Gia Khánh (1993), *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 302.
- 2 Đặng Thế Đại (2011), “Tính chất hai mặt của tín ngưỡng thành hoàng làng”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.

Abstract

DISCUSION ON THE CONNOTATION OF THE CONCEPTS OF “RELIGION” AND “BELIEF”

The author indicates that “religion” and “belief” is two different concepts, its connotation has different features. The article shows that the characteristics of belief are opposite to the characteristics of religion: Although they are human activities based on belief in supernatural power, belief aims at the needs of life of the COMMUNITY, while religion meets the aspirations beyond the limit of death of the INDIVIDUAL. Belief contains the sense of BENEFITS, people practice it in order to avoid disease, have child birth, good crops and good weather, etc. Religion is characterized by IDEAL, it brings MEANING for a PERSONAL life, promises a good eternal life in the future for those who practice and implement the lifestyle according to its norms.

Keywords: Concept, belief, religion, classification.